|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /2019/TT-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**Dự thảo 1**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP**

**ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng**

**tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ**

**khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước**

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 70/2018/NĐ-CP), bao gồm:

1. Giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoàn trả giá trị tài sản thông qua thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
2. Giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp và hoàn trả giá trị tài sản thông qua thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Giao quyền sử dụng phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ và hoàn trả giá trị tài sản thông qua thương mại hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
4. Giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ
5. Giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp.
6. Giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ;
7. Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa với nhà nước
8. Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp và phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa với nhà nước.

b. Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ và phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa với nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;

2. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi là đại diện chủ sở hữu nhà nước);

4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

5. Tổ chức, cá nhân khác đề nghị giao quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

6. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công;

**Điều 3**. **Nguyên tắc xem xét giao quyền**

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng phương án phát triển, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Mẫu số 02/PA Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 63/2018/TT-BTC) gửi kèm hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ, để Hội đồng tư vấn nghiệm thu có cơ sở đánh giá kết luận về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm tại phiên họp đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1. Tiêu chí để tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được xem xét giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thànhthông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ

a) Được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu (sau đây viết tắt là Hội đồng nghiệm thu) đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ mức “Đạt” trở lên và kết luận về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm là “khả thi”.

Tại phiên họp Hội đồng nghiệm thu, các thành viên Hội đồng xem xét, đánh giá về tính “khả thi” của khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm theo quy định tại Mẫu số 5 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Chủ tịch Hội đồng kết luận theo ý kiến của trên 50% số thành viên Hội đồng theo quy định tại Mẫu số 4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước không được xem xét giao quyền sử dụng đối với tài sản hình thànhthông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp:

- Tại thời điểm nộp văn bản đề nghị giao quyền chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; không thuộc diện là tổ chức, cá nhân trong quá trình giải thể, phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả;

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

- Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

- Không sử dụng ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã được giao quyền hoặc không gửi báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng, thương mại hóa hoặc không phân chia lợi nhuận cho nhà nước khi thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã được giao quyền sử dụng.

**Chương II**

**GIAO QUYỀN SỬ DỤNG TÀI SẢN TRANG BỊ VÀ HOÀN TRẢ GIÁ TRỊ THÔNG QUA VIỆC THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 4. Giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp và hoàn trả giá trị thông qua việc thương mại hóa kết quả**

Giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ được giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;
2. Thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng tài sản trang bị và Trình tự, thủ tục giao quyền thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP;

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định giao quyền sử dụng tài sản, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện bàn giao theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

Giá trị tài sản bàn giao là giá trị tài sản quy định tại Quyết định giao quyền. Giá trị tài sản tại Quyết định giao quyền là giá trị tài sản còn lại theo sổ kế toán tính đến thời điểm tổ chức, cá nhân đề nghị giao quyền.

4. Sau khi có Biên bản bàn giao tài sản, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Sử dụng tài sản được giao đúng mục đích theo đề nghị giao quyền.

b) Mở sổ theo dõi, hằng năm tính hao mòn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ tài sản được giao theo quy định và thực hiện chế độ báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Hoàn trả giá trị tài sản được giao thông qua thương mại hóa kết quả theo phương án hoàn trả giá trị tại Quyết định giao quyền sử dụng

Giá trị hoàn trả là giá trị của tài sản tại thời điểm giao quyền trừ đi giá trị hao mòn, lũy kế đến thời điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thương mại hóa và có lợi nhuận thu được, theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC)

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân chủ trì nhận giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn trả đủ giá trị tài sản, cơ quan quản lý nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu tài sản thuộc sở hữu nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

**Điều 5. Giao quyền sử dụng phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ và hoàn trả giá trị thông qua thương mại hóa kết quả.**

Giao quyền sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

1. Thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng phần tài sản trang bị thuộc sở hữu nhà nước và trình tự, thủ tục giao quyền thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 26 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP;

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước hỗ trợ được xem xét giao quyền sử dụng tài sản trang bị khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện đăng thông báo công khai tại Cổng thông tin điện tử theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 25 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP về việc bán phần tài sản trang bị thuộc sở hữu nhà nước mà không có tổ chức, cá nhân nào đăng ký nhận mua tài sản;

b) Đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định giao quyền sử dụng tài sản trang bị, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện bàn giao tài sản trang bị theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

Giá trị tài sản bàn giao là giá trị tài sản tại quy định tại Quyết định giao quyền sử dụng, đồng thời là giá trị còn lại của tài sản ghi theo sổ kế toán tương ứng với phần vốn nhà nước đóng góp tại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Sau khi có Biên bản bàn giao tài sản, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Sử dụng tài sản trang bị được giao đúng mục đích theo Quyết định giao quyền sử dụng tài sản. Không được sử dụng tài sản được giao vào mục đích khác;

b) Mở sổ theo dõi riêng tài sản thuộc phần quyền sở hữu của nhà nước, hằng năm tính hao mòn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ tài sản được giao theo quy định và thực hiện chế độ báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Hoàn trả giá trị tài sản được giao khi có thương mại hóa kết quả

Giá trị tài sản xác định hoàn trả là giá trị còn lại của tài sản thuộc phần sở hữu của nhà nước sau khi đã trừ đi giá trị hao mòn, lũy kế đến thời điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thương mại hóa và có lợi nhuận thu được theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhận giao quyền sử dụng hoàn trả đủ giá trị tài sản thuộc phần sở hữu của nhà nước, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình cấp có thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng tài sản thuộc sở hữu nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP .

**Chương III**

**GIAO QUYỀN SỞ HỮU VÀ HOÀN TRẢ GIÁ TRỊ TÀI SẢN**

**LÀ KẾT QUẢ NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 6. Giao quyền sở hữu tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp và thực hiện việc hoàn trả giá trị tài sản**

Giao quyền sở hữu tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ và việc hoàn trả lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì gửi văn bản đề nghị giao quyền sở hữu kết quả và hoàn trả giá trị cho cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu tài sản và trình tự, thủ tục giao quyền thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP;

2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định giao quyền sở hữu tài sản, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu) với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nội dung chính của Hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 63/2018/TT-BTC.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng chuyển giao quyền được ký kết, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện bàn giao tài sản. Việc bàn giao tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP. Giá trị tài sản bàn giao là giá trị tài sản quy định tại Quyết định giao quyền.

Sau khi có biên bản bàn giao tài sản, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện hoàn trả giá trị tài sản theo quy định tại Quyết định giao quyền và Hợp đồng chuyển giao quyền đã ký kết;

4. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ giao quyền sở hữu đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

**Điều 7. Giao quyền sở hữu tài sản là kết quả nhiệm vụ ngân sách nhà nước hỗ trợ và thực hiện việc hoàn trả giá trị tài sản**

Giao quyền sở hữu tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước hỗ trợ trên 30% cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP thể hiện trong Hợp đồng ký kết của các đồng sở hữu.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đồng thời là tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho nhiệm vụ có văn bản đề nghị nhận giao quyền sở hữu theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản. Việc giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị phần tài sản là kết quả thuộc sở hữu nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
2. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đồng thời là tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho nhiệm vụ, các đồng sở hữu thỏa thuận việc thực hiện giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần sở hữu nhà nước thực hiện như sau:

* Trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết của các đồng sở hữu đồng thuận giao quyền cho tổ chức, cá nhân chủ trì. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản;
* Việc giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị phần tài sản là kết quả thuộc sở hữu nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

**Chương IV**

**GIAO QUYỀN SỬ DỤNG TÀI SẢN LÀ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN THU ĐƯỢC TỪ THƯƠNG MẠI HÓA VỚI NHÀ NƯỚC**

**Điều 8. Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp**

Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định 70/2018/NĐ-CP.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem xét giao quyền sử dụng tài sản là kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước cấp khi đáp ứng các yêu cầu:

a) Trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng thông báo lần đầu theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 25 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP không có tổ chức, cá nhân nào đăng ký nhận giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị;

b) Đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

2. Thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng tài sản và trình tự, thủ tục giao quyền thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP;

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định giao quyền sử dụng tài sản, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện bàn giao theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

Giá trị tài sản bàn giao là giá trị tài sản quy định tại Quyết định giao quyền sử dụng, được xác định theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2019/TT-BTC).

4. Sau khi có biên bản bàn giao tài sản, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP; Điều 41 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP) và các quy định sau:

a) Hằng năm báo cáo cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết quả thực hiện ứng dụng, thương mại hóa kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập. Thời hạn nộp báo cáo là 30 ngày kể từ ngày quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định;

b) Bảo đảm quyền lợi của nhà nước thông qua việc phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả được giao quyền sử dụng theo Quyết định giao quyền.

**Điều 9. Giao quyền sử dụng tài sản là kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước hỗ trợ**

Việc giao quyền sử dụng phần tài sản là kết quả thuộc về nhà nước quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP phải được thể hiện phương án giao quyền trong Hợp đồng đã ký kết của các đồng sở hữu.

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ được xem xét giao quyền sử dụng tài sản kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước hỗ trợ khi đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.

2. Thẩm quyền quyết định giao quyền sử dụng tài sản và trình tự, thủ tục giao quyền thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 26 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP;

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định giao quyền sử dụng tài sản, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện bàn giao theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

Giá trị tài sản bàn giao là giá trị tài sản quy định tại Quyết định giao quyền sử dụng và được xác định theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và Thông tư số 10/2019/TT-BTC. Quyền sở hữu của Nhà nước là phần tài sản tương ứng với phần vốn đóng góp tại nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Sau khi có biên bản bàn giao tài sản, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP; Điều 41 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP và các yêu cầu sau:

a) Hằng năm báo cáo cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết quả thực hiện ứng dụng, thương mại hóa kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập. Thời hạn nộp báo cáo là 30 ngày kể từ ngày quyết toán thuế thu nhập theo quy định.

b) Bảo đảm quyền lợi của nhà nước thông qua việc phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả được giao quyền sử dụng theo Quyết định giao quyền.

**Điều 10. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Lợi nhuận thu được cho nhà nước khi nhận giao quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa hoạc và công nghệ để tiếp tục nghiên cứu, phát triển công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả được thực hiện khi tổ chức, cá nhân chủ trì thương mại hóa tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có lợi nhuận sau thuế thu được quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

2. Phân chia lợi nhuận sau thuế thu được từ thương mại hóa tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa hoạc và công nghệ cho nhà nước được thực hiện:

a) Quy định mức thù lao trả cho tác giả

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mức thù lao trả cho tác giả thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mức thù lao trả cho tác giả theo thỏa thuận tại Hợp đồng ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổ chức, cá nhân chủ trì và Hợp đồng ký kết giữa các đồng sở hữu mức thù lao tối thiểu là 30%.

b) Mức chia cho người môi giới (nếu có) theo thỏa thuận giữa các bên không quá 10%, trường hợp không có thỏa thuận về môi giới thì áp dụng mức 10%;

c) Sau khi phân chia cho tác giả và người môi giới (nếu có), phần lợi nhuận còn lại được chia như sau:

***Phương án 1:***

Sau khi phân chia cho tác giả và người môi giới (nếu có), phần lợi nhuận còn lại chia cho đại diện chủ sở hữu nhà nước tương ứng với tỷ lệ vốn nhà nước đóng góp vào nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định 70/2018/NĐ-CP;

***Phương án 2:***

Sau khi phân chia cho tác giả và người môi giới (nếu có), phần lợi nhuận còn lại trả cho đại diện chủ sở hữu nhà nước theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không quá 10% thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 08/2015/NĐ-CP;

d) Phần còn lại được dành 50% cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng của tổ chức chủ trì.

3. Miễn khoản phân chia lợi nhuận với đại diện chủ sở hữu nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Đề nghị giao quyền sử dụng với mục đích thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

b) Kết quả nghiên cứu có tầm quan trọng đặc biệt đối với quốc phòng, an ninh được nhà nước đặt hàng;

c) Kết quả nghiên cứu cần được ứng dụng rộng rãi để đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội, tạo ra hiệu quả an sinh xã hội.

**Điều 11. Quản lý số tiền thu được từ việc phân chia lợi nhuận với nhà nước**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc giao quyền sử dụng tài sản nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc nhà nước của đơn vị được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoặc cơ quan được giao ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trường hợp cơ quan quản lý nhiệm vụ không đồng thời là cơ quan được giao ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);
2. Cơ quan có tài khoản tạm giữ tiền thu được từ việc phân chia lợi nhuận với nhà nước có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi kinh phí nhà nước được phân chia từ lợi nhuận thương mại hóa tài sản theo từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và định kỳ hằng năm báo cáo về cơ quan được giao quản lý tài sản công; đồng thời thực hiện đôn đốc việc thu hồi kinh phí nhà nước được phân chia.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày…tháng….năm 2019;

2. Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành;

**Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực vẫn đang trong thời gian triển khai thực hiện nhiệm vụ, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng phương án đề nghị giao quyền theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để bổ sung vào Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân chủ trì làm căn cứ xử lý tài sản khi nhiệm vụ kết thúc.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực đã hết thời gian thực hiện nhiệm vụ và thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ ( trường hợp được gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ) nhưng chưa được tổ chức nghiệm thu, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng phương án đề nghị giao quyền theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và phương án phát triển, thương mại hóa kết quả theo quy định tại Mẫu 02/PA Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC, nộp kèm theo hồ sơ khi đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu kết quả “đạt” trở lên nhưng chưa xử lý về tài sản, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 19; điểm c, d khoản 1, điểm c, d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP.

4. Trường hợp không áp dụng được các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, cơ quan quản lý nhiệm vụ hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng phương án giao quyền theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và phương án phát triển, thương mại hóa kết quả theo quy định tại Mẫu 02/PA Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC trình cấp có thẩm quyền quyết định giao quyền.

**Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

1. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP; - VP Trung ương, các Ban Đảng; - Văn phòng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch Nước;  - Văn phòng Tổng Bí thư; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;  Cơ quan thuộc Chính phủ; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án Nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh,  TP trực thuộc TW; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Cổng thông tin điện tử;  - Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN; - Lưu: VT, QLCS. | **BỘ TRƯỞNG** |